pēn fā

喷发

verb · erupt

Example Sentences

Huǒ shān tū rán pēn fā le
火 山 突 然 喷 发 了 。

The volcano suddenly erupted.

Nà cì huǒ shān pēn fā yǐng xiǎng le zhōu wéi hǎo jǐ gè cūn zhuāng
那 次 火 山 喷 发 影 响 了 周 围 好 几 个 村 庄 。

That volcanic eruption affected several surrounding villages.

Trace each character, then write the word on your own.

喷 喷 喷 喷 喷 喷 喷 喷 喷 喷 喷

喷 喷 喷 喷

发 发 发 发 发 发 发 发